ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 303 /BC-UBND	*TP.Nam Định, ngày 08 tháng 12 năm 2021*

BÁO CÁO
Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2021 và dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2022

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Nam Định

Thực hiện Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 23/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2022; Các văn bản của Bộ Kế hoạch & đầu tư, của Ủy ban nhân dân Tỉnh Nam Định, Sở Kế hoạch & đầu tư về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và Dự toán NSNN năm 2022;

Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo ước tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2021 và dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2022 như sau:

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021:

I.	**Tổng vốn kế hoạch Tỉnh giao đầu năm:**	**236.500 triệu đồng**
	Vốn xây dựng thành phố trung tâm vùng:	28.000 triệu đồng
	Vốn thu từ tiền đấu giá đất Tái định cư:	205.000 triệu đồng
	Vốn đấu giá quyền SD đất phần NSTP:	3.500 triệu đồng
II.	**Tổng vốn kế hoạch thành phố giao đầu năm:**	**305.530 triệu đồng**
	Vốn xây dựng thành phố trung tâm vùng:	28.000 triệu đồng
	Vốn thu từ tiền đấu giá đất Tái định cư:	205.000 triệu đồng
	Vốn đấu giá quyền SD Đất phần ngân sách thành phố được hưởng:	1.000 triệu đồng
	Vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư:	65.000 triệu đồng
	Vốn khác (thu tiền SHNN, SNMT, ki ốt sạp hàng)	6.530 triệu đồng

B. Tình hình thực hiện kế hoạch vốn ĐTXDCB năm 2021:

1. Tổng ước thực hiện XDCB năm 2021:

Ước giải ngân là 386.385,965 triệu đồng (trong đó đã bao gồm ứng vốn từ Quỹ phát triển đất của tỉnh để thực hiện bồi thường GPMB) đạt 126,46% so với kế hoạch giao đầu năm và bằng 126,68% so với cùng kỳ

C. DỰ KIẾN PHÂN BỔ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022:

I. Dự kiến tổng nguồn vốn kế hoạch được đầu tư từ NSNN năm 2022:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2021	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2022		
		Tổng số KH 2022	Trong đó	
			Tỉnh giao	T.phố giao
Tổng số	**305.530**	**572.278,627**	**450.000**	**572.278,627**
1. Vốn xây dựng thành phố Trung tâm vùng	28.000	0	0	0
2. Vốn từ quỹ đất đô thị, đất tái định cư phần NST 80%	205.000	400.000	360.000	400.000
3. Vốn từ quỹ đất đô thị, đất tái định cư phần NSTP 20%		100.000	90.000	100.000
4. Vốn sự nghiệp mang tính chất đầu tư	65.000	65.000		65.000
5. Vốn khác (vốn đất kế hoạch, vốn sở hữu nhà nước và SNMT...)	7.530,0	7.278,627		7.278,627

II. Nguyên tắc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 bố trí theo thứ tự sau:

- Ưu tiên bố trí vốn để thực hiện các dự án lớn, trọng điểm (chủ yếu phục vụ công tác GPMB), có tính kết nối và tác động liên vùng, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của tỉnh và thành phố;

- Bố trí 100% vốn thiếu cho các công trình đã quyết toán đến 31/10/2021;

- Công trình hoàn thành bố trí không quá 35% giá trị KLTH và phụ thuộc khả năng nguồn vốn;

- Công trình chuyển tiếp bố trí không quá 20% giá trị KLTH và tùy thuộc vào khả năng nguồn vốn;

- Công trình khởi công mới: Theo khả năng nguồn vốn và bố trí không quá 7% TMĐT;

- Bố trí vốn Chuẩn bị đầu tư cho 04 dự án (Tỉnh quyết định đầu tư) và 02 dự án (thành phố quyết định đầu tư) mỗi dự án bố trí 100 triệu đồng;

- Các dự án sử dụng nguồn vốn từ nguồn thu tiền bán, thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước được bố trí vốn tới 95% giá trị KLTH;

UỶ BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2022
CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH DO UBND TỈNH VÀ UBND THÀNH PHỐ QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	DANH MỤC DỰ ÁN	Quyết định đầu tư			CHỦ ĐẦU TƯ	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	ƯỚC KL THỰC HIỆN ĐẾN 31/12/2022	Vốn đã bố trí		THIẾU SO VỚI TMĐT	VỐN THIẾU SO VỚI KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN	BỐ TRÍ VỐN 2022	Dự kiến phân bổ từ các nguồn vốn			
		Số QĐ, ngày tháng	Thời gian KC-HT	Nguồn vốn				Đã bố trí vốn đến hết năm 2020	Bố trí vốn năm 2021				Nguồn thu tiền sử dụng đất các khu Tái Định cư (80% = 400 tỷ)	Nguồn thu tiền sử dụng đất các khu Tái Định cư (20%= 100 tỷ)	Vốn sự nghiệp mang tính chất đầu tư	Vốn khác
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	TỔNG SỐ					**5.260.698,312**	**1.348.603,940**	**160.680,292**	**265.107,075**	**4.097.814,399**	**923.037,217**	**572.278,627**	**400.000,000**	**100.000,000**	**65.000,000**	**7.278,627**
	CÔNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM					**4.096.840,500**	**1.102.600,000**	**84.282,922**	**247.457,100**	**3.765.100,478**	**770.859,978**	**496.900,000**	**400.000,000**	**96.900,000**	**0,000**	**0,000**
	CÔNG TRÌNH QUYẾT TOÁN					**127.720,514**	**120.543,324**	**73.697,370**	**13.839,975**	**33.086,623**	**33.086,623**	**33.086,623**	**0,000**	**0,000**	**32.387,996**	**698,627**
	CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH					**22.983,675**	**21.436,600**	**2.700,000**	**2.050,000**	**18.233,675**	**16.686,600**	**4.880,000**	**0,000**	**1.200,000**	**0,000**	**3.680,000**
	CÔNG TRÌNH CHUYỂN TIẾP					**242.284,623**	**104.024,016**	**0,000**	**1.620,000**	**240.664,623**	**102.404,016**	**15.512,004**	**0,000**	**600,000**	**12.112,004**	**2.800,000**
	CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG MỚI					**18.090,000**	**0,000**	**0,000**	**140,000**	**17.950,000**	**0,000**	**1.300,000**	**0,000**	**1.000,000**	**300,000**	**0,000**
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ					**730.000,000**	**0,000**	**0,000**	**0,000**	**0,000**	**0,000**	**400,000**	**0,000**	**300,000**	**100,000**	**0,000**
	GPMB và XDCB khác					**0,000**	**0,000**	**0,000**	**0,000**	**0,000**	**0,000**	**20.000,000**	**0,000**	**0,000**	**20.000,000**	**0,000**
	Diễn giải															
A	**CÔNG TRÌNH TỈNH PHÊ DUYỆT**					**5.034.559,369**	**1.184.857,957**	**120.199,832**	**252.853,089**	**3.930.796,599**	**811.805,036**	**502.580,376**	**400.000,000**	**97.800,000**	**4.780,376**	**0,000**
I	**CÔNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM (BỐ TRÍ THEO KHẢ NĂNG NGUỒN VỐN CHỦ YẾU BỐ TRÍ VỐN GPMB)**					**4.096.840,500**	**1.102.600,000**	**84.282,922**	**247.457,100**	**3.765.100,478**	**770.859,978**	**496.900,000**	**400.000,000**	**96.900,000**	**0,000**	**0,000**
1	Xây dựng khu đô thị mới phía nam sông Đào thành phố Nam Định	QĐ 1819; 27/8/2018	2017-2022	Nguồn thu tiền sử dụng đất tại các khu đô thị, TĐC và hợp pháp khác	Ban QLDA &ĐTXD	779.996,500	425.100,000	83.882,922	185.957,100	510.156,478	155.259,978	17.000,000		17.000,000		
2	Xây dựng khu đô thị đường Nguyễn Công Trứ, phường Lộc Vượng thành phố Nam Định	NQ số 72; ngày 08/12/2020	2020-2024	Nguồn thu tiền sử dụng đất tại các khu đô thị, khu TĐC, và vốn hợp pháp khác	Ban QLDA &ĐTXD	275.440,000	85.100,000	0,000	23.100,000	252.340,000	62.000,000	4.600,000		4.600,000		
3	Đường gom quốc lộ 10 đoạn từ đường trục Lộc Vượng đến đường Phù nghĩa thành phố Nam Định	QĐ 2301; 16/9/2020	2020-2023	NST hỗ trợ, nguồn thu tiền sử dụng đất tại các khu đô thị, khu TĐC, và vốn hợp pháp khác	Ban QLDA &ĐTXD	236.004,000	160.200,000	200,000	23.000,000	212.804,000	137.000,000	88.800,000	40.000,000	48.800,000		
4	Xây dựng khu tái định cư phường Lộc vượng (khu vực trường đại học Lương Thế Vinh), phường Lộc Vượng thành phố Nam Định	QĐ 152; 18/01/2021	2021-2023	Nguồn thu tiền sử dụng đất tại các khu đô thị, khu TĐC, và vốn hợp pháp khác	Ban QLDA &ĐTXD	106.400,000	62.200,000	200,000	15.000,000	91.200,000	47.000,000	26.500,000		26.500,000		
5	Xây dựng đường trục phía nam thành phố Nam Định	NQ số 46; ngày 25/10/2021	2021-2025	Nguồn thu tiền sử dụng đất tại các khu đô thị, khu TĐC, NST và vốn hợp pháp khác	Ban QLDA &ĐTXD	1.499.000,000	255.000,000		200,000	1.498.800,000	254.800,000	110.000,000	110.000,000			
6	Xây dựng cầu qua sông Đào nối từ đường Song Hào đến đường Vũ Hữu Lợi thành phố Nam Định	NQ số 47; ngày 25/10/2021	2021-2025	Nguồn thu tiền sử dụng đất tại các khu đô thị, khu TĐC, NST và vốn hợp pháp khác	Ban QLDA &ĐTXD	1.200.000,000	115.000,000		200,000	1.199.800,000	114.800,000	250.000,000	250.000,000			

TT	DANH MỤC DỰ ÁN	Quyết định đầu tư			CHỦ ĐẦU TƯ	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	ƯỚC KL THỰC HIỆN ĐẾN 31/12/2022	Vốn đã bố trí		THIẾU SO VỚI TMĐT	VỐN THIẾU SO VỚI KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN	BỐ TRÍ VỐN 2022	Dự kiến phân bổ từ các nguồn vốn			
		Số QĐ, ngày tháng	Thời gian KC-HT	Nguồn vốn				Đã bố trí vốn đến hết năm 2020	Bố trí vốn năm 2021				Nguồn thu tiền sử dụng đất các khu Tái Định cư (80% = 400 tỷ)	Nguồn thu tiền sử dụng đất các khu Tái Định cư (20%= 100 tỷ)	Vốn sự nghiệp mang tính chất đầu tư	Vốn khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
II	**CÔNG TRÌNH ĐÃ QTOÁN trước 31/10/2021 bố trí 100% vốn thiếu**					**42.781,120**	**42.071,271**	**35.916,910**	**4.085,989**	**2.068,372**	**2.068,372**	**2.068,372**	**0,000**	**0,000**	**2.068,372**	**0,000**
1	Cải tạo, nâng cấp đường nối từ QL21 (cầu ốc) đến QL21B thành phố Nam Định	QĐ 2117; 01/10/2021	2018-2020	NSTP là chủ yếu, NST hỗ trợ và các nguồn khác	Ban QLDA &ĐTXD	42.781,120	42.071,271	35.916,910	4.085,989	2.068,372	2.068,372	2.068,372			2.068,372	
III	**CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH (BỐ TRÍ KHẢ NĂNG NGUỒN VỐN)**					**0,000**	**0,000**	**0,000**	**0,000**	**0,000**	**0,000**	**0,000**	**0,000**	**0,000**	**0,000**	**0,000**
IV	**CÔNG TRÌNH CHUYỂN TIẾP (BỐ TRÍ không quá 8% KLTH và bố trí theo KHẢ NĂNG NGUỒN VỐN)**					**164.937,749**	**40.186,686**	**0,000**	**1.310,000**	**163.627,749**	**38.876,686**	**3.212,004**	**0,000**	**600,000**	**2.612,004**	**0,000**
1	Xây dựng, cải tạo trường Tiểu học Phạm Hồng Thái, thành phố Nam Định	NQ số 67; 8/12/2020	2020-2023	Nguồn thu tiền sử dụng đất tại các KĐT, khu TĐC; vốn xây dựng thành phố TTV và vốn hợp pháp khác	Ban QLDA &ĐTXD	35.270,00	14.108,000		1.100,000	34.170,000	13.008,000	1.100,000			1.100,000	
2	Xây dựng trường Tiểu học phường Cửa Nam tại khu đô thị mới phía Nam sông Đào thành phố Nam Định	NQ số 19; 17/7/2021	2021-2025	Nguồn thu tiền sử dụng đất tại các KĐT, TĐC trên và hợp pháp khác	Ban QLDA &ĐTXD	94.000,00	7.600,000		100,000	93.900,000	7.500,000	600,000		600,000		
3	Xây dựng, cải tạo trường Tiểu học Nguyễn Viết Xuân, thành phố Nam Định	NQ số 20; 17/7/2021	2021-2023	Nguồn thu tiền sử dụng đất tại các KĐT, TĐC và các vốn hợp pháp khác	Ban QLDA &ĐTXD	29.990,00	13.495,500		50,000	29.940,000	13.445,500	1.062,004			1.062,004	
4	Lập điều chỉnh quy hoạch phân khu I	2027; 21/9/2021	2021-2022	NSTP và khác	Phòng QLĐT	2.535,769	2.155,404		30,000	2.505,769	2.125,404	200,000			200,000	
5	Lập điều chỉnh quy hoạch phân khu II	2028; 21/9/2021	2021-2022	NSTP và khác	Phòng QLĐT	3.141,980	2.827,782		30,000	3.111,980	2.797,782	250,000			250,000	
V	**CÔNG TRÌNH CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ**					**730.000,000**	**0,000**	**0,000**	**0,000**	**0,000**	**0,000**	**400,000**	**0,000**	**300,000**	**100,000**	**0,000**
1	Xây dựng, cải tạo Quảng trường Hòa Bình thành phố Nam Định	TB số 225; ngày 09/11/2021		Nguồn thu tiền sử dụng đất tại các KĐT, TĐC trên và hợp pháp khác	Ban QLDA &ĐTXD	80.000,000						100,000			100,000	
2	Xây dựng khu dân cư tập trung Đông Phong - Địch lễ xã Nam Phong và xã Nam Vân TPNĐ	TB số 235; ngày 12/11/2021		Nguồn thu tiền sử dụng đất tại các KĐT, TĐC trên và hợp pháp khác	Ban QLDA &ĐTXD	190.000,000						100,000		100,000		
3	Xây dựng khu dân cư tập trung Lương Xá - Lộc Hòa TPNĐ	TB số 236; ngày 12/11/2021		Nguồn thu tiền sử dụng đất tại các KĐT, TĐC trên và hợp pháp khác	Ban QLDA &ĐTXD	200.000,000						100,000		100,000		
4	Xây dựng khu dân cư tập trung Vạn Diệp xã Nam Phong TPNĐ	TB số 237; ngày 12/11/2021		Nguồn thu tiền sử dụng đất tại các KĐT, TĐC trên và hợp pháp khác	Ban QLDA &ĐTXD	260.000,000						100,000		100,000		

TT	DANH MỤC DỰ ÁN	Quyết định đầu tư			CHỦ ĐẦU TƯ	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	ƯỚC KL THỰC HIỆN ĐẾN 31/12/2022	Vốn đã bố trí		THIẾU SO VỚI TMĐT	VỐN THIẾU SO VỚI KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN	BỐ TRÍ VỐN 2022	Dự kiến phân bổ từ các nguồn vốn			
		Số QĐ, ngày tháng	Thời gian KC-HT	Nguồn vốn				Đã bố trí vốn đến hết năm 2020	Bố trí vốn năm 2021				Nguồn thu tiền sử dụng đất các khu Tái Định cư (80% = 400 tỷ)	Nguồn thu tiền sử dụng đất các khu Tái Định cư (20%= 100 tỷ)	Vốn sự nghiệp mang tính chất đầu tư	Vốn khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
B	**CÔNG TRÌNH UBND THÀNH PHỐ PHÊ DUYỆT**					**226.138,943**	**163.745,983**	**40.480,460**	**12.253,986**	**167.017,800**	**111.232,181**	**49.698,251**	**0,000**	**2.200,000**	**40.219,624**	**7.278,627**
I	**CÔNG TRÌNH ĐÃ QTOÁN đến 31/10/2021**					**84.939,394**	**78.472,053**	**37.780,460**	**9.753,986**	**31.018,251**	**31.018,251**	**31.018,251**	**0,000**	**0,000**	**30.319,624**	**698,627**
1	Khắc phục sự cố tổ máy bơm số 7, số 12 và một số hạng mục tại trạm bơm Quán Chuột thành phố Nam Định	QĐ số 3453, ngày 09/10/2020	2018-2019	NSTP và khác	Ban QLDA &ĐTXD	8.557,500	6.261,059	2.300,000	1.980,000	1.981,060	1.981,060	1.981,060			1.981,060	
2	Cải tạo, nâng cấp trụ sở phường Cửa Nam	QĐ số 904; ngày 27/5/2020	2018-2019	NSTP và khác	UBND P.Cửa Nam	4.675,000	4.609,012	1.950,000	1.399,475	1.259,537	1.259,537	1.259,537			1.259,537	
3	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Trung tâm dịch vụ nông nghiệp thành phố Nam Định	QĐ1729 ; ngày 19/5/2021	2020	NSTP và khác	Ban QLDA &ĐTXD	1.137,78	1.040,899	100,000	200,000	740,899	740,899	740,899			740,899	
4	Cải tạo, thay thế trung thế 22kv bằng hệ thống thiết bị đóng cắt cầu dao phụ tải và tủ đo lường ngoài trời tại trạm bơm Kênh gia tp NĐ	QĐ số ; ngày 2021	2020	NSTP và khác	Phòng QLĐT	713,810	661,118	100,000	100,000	461,118	461,118	461,118			461,118	
5	Cải tạo, sửa chữa các hạng mục điện chiếu sáng phục vụ Đại hội Đảng bộ tỉnh Nam Định lần thứ XX nhiệm kỳ 2020-2025	447; 22/2/2021	2020	Nguồn NSTP và các nguồn vốn khác	Phòng QLĐT	622,360	579,911	10,000	150,000	419,911	419,911	419,911			419,911	
6	Lắp đặt điện chiếu sáng mỹ thuật tượng đài Trần Hưng Đạo thành phố Nam Định	589; 10/3/2021	2020	Nguồn NSTP và các nguồn vốn khác	Phòng QLĐT	399,08	374,547	10,000	100,844	263,703	263,703	263,703			263,703	
7	Cải tạo, sửa chữa nhà nguy hiểm thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn thành phố Nam Định năm 2020	371; 25/01/2021	2020	Nguồn thu tiền bán, thuê nhà sở hữu nhà nước và khác	Phòng QLĐT	1.487,05	1.406,952	100,000	1.250,000	56,952	56,952	56,952				56,952
8	Di chuyển cáp ngầm 22kv, cột xuất tuyến lộ 476, 479E39 và TBA Dầu khí 3 phục vụ GPMB lô đất CL24 khu tái định cư Phúc Tân thành phố Nam Định	1016; 14/4/2021	2020	Nguồn NSTP và các nguồn vốn khác	Ban QLDA &ĐTXD	785,36	695,531	20,000	170,000	505,531	505,531	505,531			505,531	
9	Cải tạo, xây dựng nhà để xe trung tâm bồi dưỡng chính trị thành phố Nam Định	1031; 16/4/2021	2020	Nguồn NSTP và các nguồn vốn khác	Ban QLDA &ĐTXD	217,82	206,568	10,000		196,568	196,568	196,568			196,568	
10	Xây dựng hệ thống cống thoát nước, đổ bê tông hoàn trả mặt ngõ và dịch chuyển đường ống cấp nước sinh hoạt khu dân cư phục vụ đấu giá QSD đất tại ao cạnh công ty cổ phần may Nam Hà, phường Vị Xuyên TPNĐ	4133; 07/11/2019	2019	Nguồn thu tiền sử dụng đất và nguồn vốn hợp pháp khác	UBND P. Vị Xuyên	790,80	641,675	0,000	0,000	641,675	641,675	641,675				641,675
11	Đường kênh (từ UBND phường Lộc Vượng đến cống Quán tây)	2463; 31/7/2020	2015-2018	Nguồn NSTP và các nguồn vốn khác	Ban QLDA &ĐTXD	13.717,10	12.407,580	10.780,460	1.626,940	80,823	80,823	80,823			80,823	
12	Cải tạo tường rào và các hạng mục phụ trợ trường tiểu học Hùng Vương, Kim Đồng và trường THCS Lý Tự Trọng, Lương Thế Vinh - TPNĐ	7790; 01/10/2021	2021	NSTP và nguồn vốn khác	Phòng GD&ĐT	1.199,54	1.083,629	0,000	100,000	983,629	983,629	983,629			983,629	

TT	DANH MỤC DỰ ÁN	Quyết định đầu tư			CHỦ ĐẦU TƯ	TONG MUC DAU TU	ƯỚC KL THỰC HIỆN ĐẾN 31/12/2022	Vốn đã bố trí		THIẾU SO VỚI TMĐT	VỐN THIẾU SO VỚI KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN	BỐ TRÍ VỐN 2022	Dự kiến phân bổ từ các nguồn vốn			
		Số QĐ, ngày tháng	Thời gian KC-HT	Nguồn vốn				Đã bố trí vốn đến hết năm 2020	Bố trí vốn năm 2021				Nguồn thu tiền sử dụng đất các khu Tái Định cư (80% = 400 tỷ)	Nguồn thu tiền sử dụng đất các khu Tái Định cư (20%= 100 tỷ)	Vốn sự nghiệp mang tính chất đầu tư	Vốn khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
13	Xây dựng cống thoát nước đường Kênh đoạn từ đường Đông A đến cống Quán Tây phường Lộc Vượng thành phố Nam Định	7792/QĐ-UBND; ngày 01/10/2021	2020-2021	NSTP và nguồn vốn khác	Ban QLDA &ĐTXD	14.986,000	14.385,827	9.000,000	1.200,000	4.185,827	4.185,827	4.185,827			4.185,827	
14	Cải tạo, nâng cấp kênh thoát nước mạ điện đoạn từ Nguyễn Văn Trỗi đến đường Song Hào - thành phố Nam Định	QĐ 7791 ngày 01/10/2021	2020-2021	NSTP và nguồn vốn khác	Ban QLDA &ĐTXD	14.980,110	14.334,304	13.000,000	0,000	1.334,304	1.334,304	1.334,304			1.334,304	
15	Cải tạo, nâng cấp đường Kênh (đoạn từ đường Điện Biên đến đường Đông A) phường Cửa Bắc thành phố Nam Định	7251; 5/8/2021	2020-2021	NSTP và nguồn vốn khác	Ban QLDA &ĐTXD	5.767,350	5.503,849	200,000	776,727	4.527,122	4.527,122	4.527,122			4.527,122	
16	Xây dựng nhà học, khu hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học Nguyễn Trãi thành phố Nam Định	8090/QĐ-UBND; ngày 29/10/2021	2019-2021	NSTP và khác	Ban QLDA &ĐTXD	14.902,7	14.279,592	200,000	700,000	13.379,592	13.379,592	13.379,592			13.379,592	
II	**CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH (BỐ TRÍ KHÔNG QUÁ 35% KLTH VÀ PHỤ THUỘC NGUỒN VỐN)**					**22.983,675**	**21.436,600**	**2.700,000**	**2.050,000**	**18.233,675**	**16.686,600**	**4.880,000**	**0,000**	**1.200,000**	**0,000**	**3.680,000**
1	Xây dựng trụ sở làm việc công an phường Lộc Hòa thuộc công an thành phố Nam Định	Số 5830/QĐ-UBND ngày 31/12/2019	2019-2020	Ngân sách thành phố và các nguồn vốn hợp pháp khác	Công an thành phố	14.998,00	14.548,060	2.700,000	1.500,000	10.798,000	10.348,060	900,000		900,000		
2	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của TPNĐ	QĐ số 326; ngày 22/01/2021	2021	Ngân sách thành phố và các vốn hợp pháp khác	Phòng TN&MT	2.985,7	2.388,540		50,000	2.935,675	2.338,540	300,000		300,000		
3	Cải tạo, sửa chữa nhà nguy hiểm thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn thành phố Nam Định năm 2021	1525; 23/4/2021	2021-2022	Nguồn thu tiền bán, thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước và vốn hợp pháp khác	Phòng QLĐT	5.000,00	4.500,000		500,000	4.500,000	4.000,000	3.680,000				3.680,000
III	**CÔNG TRÌNH CHUYỂN TIẾP (BỐ TRÍ KHÔNG QUÁ 20% KLTH) - hoàn thành trong năm 2022**					**77.346,874**	**63.837,330**	**0,000**	**310,000**	**77.036,874**	**63.527,330**	**12.300,000**	**0,000**	**0,000**	**9.500,000**	**2.800,000**
1	Xây dựng tuyến cống thoát nước nối cống từ đường Trần Hưng Đạo đến cống đường Thượng Lỗi, thành phố Nam Định	57/NQ-HĐND 20/4/2021	2021-2022	Nguồn NSTP và các nguồn vốn khác	Ban QLDA	14.986,00	11.988,800		100,000	14.886,000	11.888,800	2.800,000				2.800,000
2	Xây dựng tuyến đường vào trụ sở Chi cục thuế khu vực thành phố Nam Định- Mỹ Lộc (đoạn từ đường Tức Mạc đến đường Trần Khắc Chung) phường Lộc Vượng	1905; 8/6/2021	2021-2022	Nguồn NSTP và các nguồn vốn khác	Ban QLDA	3.318,87	3.152,930		30,000	3.288,874	3.122,930	550,000			550,000	
3	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc 7 tầng và các hạng mục phụ trợ Công an thành phố Nam Định	70/NQ-HĐND 22/7/2021	2021-2022	Ngân sách thành phố và các nguồn vốn hợp pháp khác	Công an thành phố	14.982,00	11.985,600		30,000	14.952,000	11.955,600	2.100,000			2.100,000	
4	Xây dựng nhà ăn, nhà để xe và cải tạo nhà học, nhà hội đồng trường tiểu học Trần Quốc Toản, thành phố Nam Định	3377; 23/7/2021	2021-2022	Ngân sách thành phố và các nguồn vốn hợp pháp khác	Phòng GD&ĐT	3.500,00	2.975,000		20,000	3.480,000	2.955,000	550,000			550,000	

TAI LIEU BAO CAO HDND

TT	DANH MỤC DỰ ÁN	Quyết định đầu tư			CHỦ ĐẦU TƯ	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	ƯỚC KL THỰC HIỆN ĐẾN 31/12/2022	Vốn đã bố trí		THIẾU SO VỚI TMĐT	VỐN THIẾU SO VỚI KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN	BỐ TRÍ VỐN 2022	Dự kiến phân bổ từ các nguồn vốn			
		Số QĐ, ngày tháng	Thời gian KC-HT	Nguồn vốn				Đã bố trí vốn đến hết năm 2020	Bố trí vốn năm 2021				Nguồn thu tiền sử dụng đất các khu Tái Định cư (80% = 400 tỷ)	Nguồn thu tiền sử dụng đất các khu Tái Định cư (20%= 100 tỷ)	Vốn sự nghiệp mang tính chất đầu tư	Vốn khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
5	Cải tạo khu vệ sinh, chống thấm dột nhà hiệu bộ 3 tầng trường THCS Trần Đăng Ninh thành phố Nam Định	7844; 7/10/2021	2021-2022	Ngân sách thành phố và các vốn hợp pháp khác	Phòng GD&ĐT	1.015,00	862,750		20,000	995,000	842,750	200,000			200,000	
6	Cải tạo, sửa chữa khu vệ sinh các trường mầm non trên địa bàn TPNĐ	số 7333; 10/9/2021	2021-2022	Ngân sách thành phố và các vốn hợp pháp khác	Phòng GD&ĐT	6.750,0	5.737,500		20,000	6.730,000	5.717,500	1.100,000			1.100,000	
7	Cải tạo, nâng cấp hè đường Nguyễn Du thành phố Nam Định	NQ số 68; ngày 22/7/2021	2021-2022	Ngân sách thành phố và vốn hợp pháp khác	P. QLĐT	14.820,0	11.856,000		30,000	14.790,000	11.826,000	2.100,000			2.100,000	
8	Cải tạo, nâng cấp cảnh quan khu vực hồ Vị Hoàng	NQ số 69; ngày 22/7/2021	2021-2022	Ngân sách thành phố và vốn hợp pháp khác	P. QLĐT	14.990,0	12.741,500		30,000	14.960,000	12.711,500	2.400,000			2.400,000	
9	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND phường Trần Hưng Đạo, TPNĐ	119; 14/01/2021	2021-2022	Ngân sách thành phố và vốn hợp pháp khác	UBND p. Trần Hưng Đạo	2.985,0	2.537,250		30,000	2.955,000	2.507,250	500,000			500,000	
IV	**CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG MỚI (bố trí không quá 7% TMĐT và tùy thuộc khả năng nguồn vốn)**					**18.090,000**	**0,000**	**0,000**	**140,000**	**17.950,000**	**0,000**	**1.300,000**	**0,000**	**1.000,000**	**300,000**	**0,000**
1	Xây dựng cơ sở 2 trường mầm non Lộc An thành phố Nam Định	77/NQ-HDND ngày 01/10/2021	2021-2023	Ngân sách thành phố và các nguồn hợp pháp khác	Phòng GD&ĐT	14.890,0			100,000	14.790,000		1.000,000		1.000,000		
2	Trồng cây trên dải phân cách kênh thoát nước mạ điện đoạn từ đường Nguyễn Văn Trỗi đến đường Nguyễn Bính TPNĐ	QĐ 8321/QĐ-UBND ngày 22/11/2021	2021-2022	Ngân sách thành phố và các nguồn hợp pháp khác	Phòng QLĐT	2.000,0			20,000	1.980,000		200,000			200,000	
3	Cải tạo tường bao trường tiểu học Trần Tế Xương và trường THCS Trần Đăng Ninh TPNĐ	QĐ 8257/QĐ-UBND ngày 11/11/2021	2021-2022	Ngân sách thành phố và các nguồn hợp pháp khác	Phòng GD&ĐT	1.200,0			20,000	1.180,000		100,000			100,000	
V	**CÔNG TRÌNH CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ**					**22.779,000**	**0,000**	**0,000**	**0,000**	**22.779,000**	**0,000**	**200,000**	**0,000**	**0,000**	**100,000**	**100,000**
1	Cải tạo, sửa chữa nhà nguy hiểm thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn thành phố Nam Định năm 2022	TB 459; 30/11/2021	2021-2023	Nguồn thu tiền bán, thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước và vốn hợp pháp khác	Phòng QLĐT	7.950,00				7.950,000		100,000				100,000
2	Đài phun nước và chiếu sáng mỹ thuật hồ Vị Hoàng thành phố Nam Định	TB 461; 30/11/2021	2021-2022	Ngân sách thành phố và các nguồn hợp pháp khác	Phòng QLĐT	14.829,0				14.829,000		100,000			100,000	
C	**GPMB và XDCB khác**											**20.000,000**			20.000,000	

TAI LIEU BAO CAO HDND